

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2019

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc;

Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 23, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 23, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và Anh Lê Văn T chung sống với nhau vào năm 1995 và đến ngày 05/5/1995 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 thì anh T nói với chị là về quê tại tỉnh Vĩnh Phúc để thăm gia đình và từ đó đến nay không về, mặc dù chị và gia đình đã đi tìm nhiều lần nhưng không có tin tức gì của anh T. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2000 cho đến nay.

Ngày 23/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã ra Quyết định

số: 01/2019/QĐST-DS về việc tuyên bố mất tích đối với anh T theo yêu cầu của chị.

Nay tình cảm vợ chồng không còn và anh T đã mất tích. Chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Lê Công H**, sinh năm **1996** và **Lê Chí P**, sinh năm **1998**. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Bị đơn – Anh Lê Văn T: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị S nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị S đối với Anh Lê Văn T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại **ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh T.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và Anh Lê Văn T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 1995 là hôn nhân tự nguyện. Nên hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thấy rằng: Sau khi kết hôn, chị S và anh T chung sống với nhau tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2000, anh T về quê tại tỉnh Vĩnh Phúc để thăm gia đình và từ đó không trở về và cũng không liên lạc với chị S. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2000. Ngày 23/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số 01/2019/QĐST-DS về việc tuyên bố mất tích đối với anh T theo yêu cầu của chị S.

Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị S.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và Anh Lê Văn T có 02 con chung tên **Lê Công H**, sinh năm **1996** và **Lê Chí P**, sinh năm **1998**. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị S và Anh Lê Văn T.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và Anh Lê Văn T có 02 con chung tên **Lê Công H**, sinh năm **1996** và **Lê Chí P**, sinh năm **1998**. Các con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019729 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. **Chị S** đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA